

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 06 năm 2022

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

Số: 11/2022/HĐ-BQLCDA DIC Miền Bắc

**GÓI THẦU: KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC THIẾT KẾ CÁC NHÀ
MẪU RIÊNG LẺ TẠI LÔ ĐẤT THUỘC PHẠM VI 3,7HA
CÔNG TRÌNH: NHÀ Ở RIÊNG LẺ (ĐỢT II)
DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ MỚI NAM VĨNH YÊN - GIAI ĐOẠN I**

GIỮA

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG (DIC GROUP)

VÀ

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG
MỎ - ĐỊA CHẤT (CODECO)**

6

MỤC LỤC

Trang

Phần 1	Căn cứ ký kết Hợp đồng	3
Phần 2	Các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng	3
Điều 1	Các định nghĩa và diễn giải	4
Điều 2	Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên	5
Điều 3	Trao đổi thông tin	5
Điều 4	Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng	5
Điều 5	Nội dung và khối lượng công việc	5
Điều 6	Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm	6
Điều 7	Nghiệm thu sản phẩm	7
Điều 8	Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng	7
Điều 9	Giá Hợp đồng, hình thức Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán	7
Điều 10	Điều chỉnh Hợp đồng	8
Điều 11	Bảo đảm thực hiện Hợp đồng và Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng	9
Điều 12	Quyền và nghĩa vụ của Bên nhận thầu	9
Điều 13	Quyền và nghĩa vụ của Bên giao thầu	10
Điều 14	Nhà thầu phụ (nếu có)	11
Điều 15	Nhân lực của Bên nhận thầu	11
Điều 16	Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu	11
Điều 17	Bảo hiểm	12
Điều 18	Rủi ro và bất khả kháng	12
Điều 19	Tạm ngừng công việc trong Hợp đồng	12
Điều 20	Chấm dứt Hợp đồng	13
Điều 21	Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng	14
Điều 22	Khiếu nại và xử lý tranh chấp	14
Điều 23	Quyết toán và thanh lý Hợp đồng	14
Điều 24	Điều khoản chung	15
Chi tiết 01	Bảng giá trị Hợp đồng	16



PHẦN 1 - CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG.

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về Hợp đồng tư vấn xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 28C/QĐ-DIC Corp-HĐQT ngày 10/03/2022 của Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng về việc “Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu triển khai năm 2022 thuộc Công trình: Nhà ở riêng lẻ (Đợt 2) tại Dự án: Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên - Giai đoạn I”

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-DIC Group-KTKT ngày 17/06/2022 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng về việc “Phê duyệt dự toán gói thầu tư vấn. Gói thầu: Khảo sát địa chất phục vụ công tác thiết kế các nhà mẫu riêng lẻ tại lô đất thuộc phạm vi 3,7ha thuộc Công trình: Nhà ở riêng lẻ (đợt 2) tại Dự án: Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên - Giai đoạn I”;

Căn cứ Quyết định số 228^A/QĐ-DIC Group-TGD ngày 24/06/2022 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng về việc “Phê duyệt đơn vị tham gia thương thảo hợp đồng, xét chỉ định thầu rút gọn. Gói thầu: Khảo sát địa chất phục vụ công tác thiết kế các nhà mẫu riêng lẻ tại lô đất thuộc phạm vi 3,7ha thuộc Công trình: Nhà ở riêng lẻ (đợt 2) tại Dự án: Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên - Giai đoạn I”;

Căn cứ Quyết định số 239^A/QĐ-DIC Group-TGD ngày 29/06/2022 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng về việc “Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Gói thầu: Khảo sát địa chất phục vụ công tác thiết kế các nhà mẫu riêng lẻ tại lô đất thuộc phạm vi 3,7ha thuộc Công trình: Nhà ở riêng lẻ (đợt 2) tại Dự án: Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên - Giai đoạn I”;

Căn cứ nội dung tại Biên bản thương thảo Hợp đồng số 108/BB-BQLCDA DIC Miền Bắc ngày 27/06/2022 giữa Ban quản lý các dự án DIC Miền Bắc với Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất về gói thầu “Khảo sát địa chất phục vụ công tác thiết kế các nhà mẫu riêng lẻ tại lô đất thuộc phạm vi 3,7ha thuộc Công trình: Nhà ở riêng lẻ (đợt 2) tại Dự án: Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên - Giai đoạn I”;

Căn cứ Báo cáo số 169/BC-BQLCDA DIC Miền Bắc ngày 27/06/2022 về việc Triển khai công tác lựa chọn Nhà thầu và thương thảo Hợp đồng gói thầu “Khảo sát địa chất phục vụ công tác thiết kế các nhà mẫu riêng lẻ tại lô đất thuộc phạm vi 3,7ha thuộc Công trình: Nhà ở riêng lẻ (đợt 2) tại Dự án: Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên - Giai đoạn I”;

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.

Hôm nay, ngày 30 tháng 06 năm 2022 tại Trụ sở Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng, chúng tôi gồm các bên dưới đây:



1. Chủ đầu tư (Bên giao thầu):

Tên giao dịch : **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG**
Người đại diện theo pháp luật : Ông Hoàng Văn Tăng Chức vụ : Tổng Giám đốc
(Theo Giấy ủy quyền số: 06A/GUQ-DIC Corp ngày 28/01/2021)
Địa chỉ : 15 Thi Sách, phường Thăng Tam, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại : 0254.3839672/3859248/3850050 Fax : 0254.3560712/3859518
Tài khoản : 111002781480 Ngân hàng Vietinbank Bình Xuyên, Vĩnh Phúc
Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp : 3500101107
Và bên kia là :

2. Nhà thầu (Bên nhận thầu):

Tên giao dịch : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**
Người đại diện theo pháp luật : Ông Trần Đình Kiên Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : Số 36 ngõ 30 phố Tạ Quang Bửu, P.Bách Khoa, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : 0243.7550428 Fax :
Tài khoản : 111000037499 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội
Mã số thuế/Mã số doanh nghiệp : 0101074336

Bên giao thầu có nhu cầu và Bên nhận thầu có năng lực, trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng hợp tác cùng có lợi, các bên ký kết Hợp đồng tư vấn gói thầu: Khảo sát địa chất phục vụ công tác thiết kế các nhà mẩu riêng lẻ tại lô đất thuộc phạm vi 3,7ha thuộc Công trình: Nhà ở riêng lẻ (đợt 2) tại Dự án: Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên - Giai đoạn I với các nội dung như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải.

Trong Hợp đồng này các từ và cụm từ được hiểu như sau:

1. "Chủ đầu tư - Bên giao thầu" là Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (gọi tắt là DIC Group).
2. "Đại diện Chủ đầu tư" là Ban quản lý các Dự án DIC Miền Bắc (BQLCDA DIC Miền Bắc) được Chủ đầu tư ủy quyền điều hành công việc thay mặt cho Chủ đầu tư.
3. "Nhà thầu - Bên nhận thầu" là Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất.
4. "Đại diện Nhà thầu" là người được nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được Nhà thầu ủy quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Nhà thầu.
5. "Nhà thầu phụ" là Nhà thầu thỏa thuận hoặc ký kết Hợp đồng với Nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc khi được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.
6. "Dự án" là: Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên - Giai đoạn I.



7. “**Công trình**” là công trình mà Nhà thầu thực hiện công việc tư vấn theo Hợp đồng.
8. “**Gói thầu**” là Khảo sát địa chất phục vụ công tác thiết kế các nhà mẫu riêng lẻ tại lô đất thuộc phạm vi 3,7ha thuộc Công trình: Nhà ở riêng lẻ (đợt 2) tại Dự án: Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên - Giai đoạn I.
9. “**Hợp đồng**” là các nội dung thương thảo tại Hợp đồng tư vấn này và các tài liệu kèm theo Hợp đồng (nếu có).
10. “**Bên**” là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
11. “**Ngày**” được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
12. “**Ngày làm việc**” là ngày dương lịch, trừ ngày thứ 7, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
13. “**Rủi ro và bất khả kháng**” là một sự kiện xảy ra một cách khách quan, không phụ thuộc vào ý chí của các bên, các bên không thể lường trước được khi ký kết Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết nhưng không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra, bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh.
14. “**Luật**” là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng này và các tài liệu kèm theo Hợp đồng.
2. Các tài liệu căn cứ, văn bản pháp lý kèm theo Hợp đồng là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng, bao gồm:
 - a) Các pháp lý liên quan quy định của nhà nước;
 - b) Toàn bộ các Quyết định phê duyệt của Chủ đầu tư có liên quan;
 - c) Nhiệm vụ khảo sát đã được Chủ đầu tư phê duyệt;
 - d) Biên bản thương thảo Hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng;
 - e) Các phụ lục của Hợp đồng;
 - f) Các văn bản khác liên quan đến gói thầu (nếu có).
3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo Hợp đồng như quy định tại Khoản 2 Điều 2.

Điều 3. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến Bên nhận thầu bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.
2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

1. Hợp đồng xây dựng chịu sự Điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam.
2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc

1. Bên giao thầu giao và Bên nhận thầu nhận thực hiện công tác Khảo sát địa chất phục vụ công tác thiết kế các nhà mẫu riêng lẻ tại lô đất thuộc phạm vi 3,7ha thuộc Công trình: Nhà



ở riêng lẻ (đợt 2) tại Dự án: Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên - Giai đoạn I, bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Khảo sát địa chất công trình theo quy định tại Điều 77 của Luật Xây dựng 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014. Phạm vi theo nhiệm vụ khảo sát đã được DIC Corp chấp thuận với các yêu cầu về sản phẩm phải đạt yêu cầu theo Thông tư số 06/2006/TT-BXD ngày 10/11/2006 của Bộ xây dựng và tuân thủ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ cùng các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành khác có liên quan.

b) Sửa đổi bổ sung hoàn thiện hồ sơ trong quá trình thẩm định Bên giao thầu.

2. Bên nhận thầu cung cấp sản phẩm của Hợp đồng phù hợp với Nhiệm vụ khảo sát địa chất đã được Chủ đầu tư chấp thuận. Bao gồm:

- Định vị tọa độ và xác định cao độ miệng các hố khoan tại hiện trường;
- Khoan khảo sát kết hợp lấy mẫu đất đá thí nghiệm;
- Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT);
- Quan trắc mực nước dưới đất;
- Thí nghiệm trong phòng xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất nền;
- Tổng hợp viết Báo cáo kết quả khảo sát địa chất công trình.

Thành phần và khối lượng công việc được tổng hợp trong bảng sau:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Định vị hố khoan khảo sát ngoài hiện trường	hố	12
2	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn kết hợp lấy mẫu thí nghiệm, chiều sâu khoan từ 0 ~ 30m, đất cấp 1 ~ 3	m	144
3	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT) trong đất cấp 1 ~ 3	lần	72
4	Lấy mẫu đất trong hố khoan	mẫu	72
5	Thí nghiệm xác định 9 chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất nguyên dạng	mẫu	62
6	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất không nguyên dạng	mẫu	10
7	Lập báo cáo kết quả khảo sát địa chất công trình	bộ	07

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn phải phù hợp với nội dung Hợp đồng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho Hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Những sai sót trong sản phẩm của Hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các điều thỏa thuận trong Hợp đồng mà các bên đã ký kết.

3. Số lượng hồ sơ sản phẩm của Hợp đồng đảm bảo đúng theo quy định, số lượng cụ thể:

- Hồ sơ phục vụ quá trình kiểm tra, thẩm tra và trình phê duyệt (bao gồm cả quá trình sửa chữa theo ý kiến của các cơ quan liên quan): 03 bộ

- Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu, Bên nhận thầu sẽ phải nộp cho Bên giao thầu hồ sơ in ấn bao gồm:



- + 07 bộ báo cáo kỹ thuật kèm theo số liệu đo đạc khảo sát và thành quả tính toán.
- + 03 bộ Hồ sơ chất lượng khảo sát xây dựng;
- + 03 bộ Hồ sơ pháp lý khảo sát xây dựng;
- + 01 USB ghi toàn bộ nội dung trên.

Mỗi bộ báo cáo khảo sát sẽ bao gồm các nội dung chính sau:

- + Tập thuyết minh báo cáo kết quả khảo sát địa chất công trình;
- + Mặt bằng hố khoan khảo sát địa chất;
- + Hình trụ các hố khoan khảo sát;
- + Các mặt cắt địa chất công trình;
- + 01 bản scan toàn bộ hồ sơ sau khi được Chủ đầu tư phê duyệt;
- + Hồ sơ, tài liệu nộp cho cơ quan có thẩm quyền lưu trữ (nếu có): số lượng theo quy định;
- + Số hóa tài liệu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền và Chủ đầu tư (nếu có).

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm

1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm:

- a) Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các Bên;
- b) Nhiệm vụ khảo sát đã được Chủ đầu tư phê duyệt;
- c) Quy định của pháp luật, Quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng;
- d) Hồ sơ khảo sát công trình.

2. Số lần nghiệm thu sản phẩm tương ứng với tiến độ thanh toán và quyết toán Hợp đồng được quy định tại Khoản 4. Điều 9 [Giá Hợp đồng, hình thức Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] ngay sau khi Bên giao thầu nhận đầy đủ Hồ sơ khảo sát và Biên bản nghiệm thu hoàn thành.

Biên bản nghiệm thu hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

- 1. Tổng thời gian thực hiện Hợp đồng là 30 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực (thời gian này không bao gồm ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ, lễ theo quy định), không bao gồm thời gian thẩm tra, thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng.
- 2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, trường hợp Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn Hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.
- 3. Việc gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng không được phép làm tăng giá Hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Bên nhận thầu.

Điều 9. Giá Hợp đồng, hình thức Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

1. Giá Hợp đồng:

Giá Hợp đồng được xác định trên cơ sở Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Tổng Công ty Cổ phần đầu tư Phát triển Xây dựng.

Giá Hợp đồng là: **319.738.026 đồng** (đã bao gồm thuế VAT 8%).



(Bằng chữ: Ba trăm mười chín triệu, bảy trăm ba mươi tám ngàn,
không trăm hai mươi sáu đồng)

Chi tiết được thể hiện cụ thể trong Chi tiết 01 [Bảng giá trị Hợp đồng].

2. Hình thức Hợp đồng: Trọn gói.

Trường hợp điều chỉnh giá Hợp đồng thực hiện theo Điều 10 [Điều chỉnh Hợp đồng].

- Giá Hợp đồng bao gồm:

+ Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

+ Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

+ Chi phí đi thực địa.

+ Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Bên giao thầu, xử lý vướng mắc trong quá trình thực hiện.

+ Chi phí khác có liên quan.

- Giá Hợp đồng không bao gồm:

+ Chi phí cho các cuộc họp của Bên giao thầu.

+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của Hợp đồng.

+ Chi phí khác mà các bên thỏa thuận không bao gồm trong giá Hợp đồng.

3. Tạm ứng:

Căn cứ quy mô, tính chất và thời gian thực hiện hợp đồng, hai Bên thống nhất Bên nhận thầu không tạm ứng Hợp đồng.

4. Thanh toán:

a) Tiến độ thanh toán: Bên giao thầu thanh toán cho Bên nhận thầu 01 lần sau khi Bên nhận thầu hoàn thành công việc theo Hợp đồng. Bên nhận thầu được thanh toán 100% giá trị quyết toán và hai Bên tiến hành thanh lý Hợp đồng.

b) Thời hạn thanh toán:

Bên giao thầu sẽ thanh toán cho Bên nhận thầu trong vòng 14 ngày làm việc, kể từ ngày Bên giao thầu nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên nhận thầu.

c) Đồng tiền và hình thức thanh toán.

- Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam (VNĐ).

- Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, hoặc bù trừ công nợ giữa các bên, hoặc thanh toán ủy quyền qua bên thứ 3 (bao gồm Bên mua/Bên A thanh toán cho Bên bán/Bên B theo ủy quyền qua bên thứ ba, hoặc Bên mua/Bên A thanh toán cho bên thứ ba theo chỉ định của Bên bán/Bên B).

d) Hồ sơ thanh toán: Được quy định tại Điều 23 [Quyết toán và thanh lý Hợp đồng].

Điều 10. Điều chỉnh Hợp đồng

1. Điều chỉnh giá Hợp đồng: thực hiện theo các quy định tại Khoản 1 Điều 3 [Các trường hợp được điều chỉnh giá Hợp đồng] và Điều 5 [Điều chỉnh giá đối với Hợp đồng trọn gói] của Thông tư số 07/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn điều chỉnh giá Hợp đồng xây dựng.



2. Điều chỉnh khác: thực hiện theo quy định tại Điều 12 [Điều chỉnh Hợp đồng tư vấn xây dựng] của Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn Hợp đồng tư vấn xây dựng.

Điều 11. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng và Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng

1. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng:

Căn cứ quy mô, tính chất và thời gian thực hiện Hợp đồng, hai Bên thống nhất Bên nhận thầu được miễn nghĩa vụ Bảo đảm thực hiện Hợp đồng.

2. Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng:

Do Bên nhận thầu không tiến hành tạm ứng nên Bên nhận thầu không phải thực hiện nghĩa vụ Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Bên nhận thầu

1. Quyền của Bên nhận thầu:

- a) Yêu cầu Bên giao thầu cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận Hợp đồng (nếu có).
- b) Được đề xuất thay đổi Điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Bên giao thầu hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.
- c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Bên giao thầu.
- d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).
- đ) Được quyền yêu cầu bên giao thầu thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các Khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Bên nhận thầu:

- a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong Hợp đồng.
- b) Tham gia các cuộc họp cùng Bên giao thầu theo quy định của pháp luật trả lời các nội dung có liên quan đến sản phẩm tư vấn theo yêu cầu của Bên giao thầu.
- c) Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng Bên nhận thầu theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, trả lời các nội dung có liên quan đến sản phẩm tư vấn theo yêu cầu của Bên nhận thầu.
- d) Bảo quản và giao lại cho Bên giao thầu những tài liệu và phương tiện làm việc do Bên giao thầu cung cấp theo Hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).
- đ) Thông báo ngay bằng văn bản cho Bên giao thầu về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.
- e) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà Hợp đồng và pháp luật có quy định.
- f) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của Hợp đồng.

Bên nhận thầu phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá Hợp đồng hoặc trách nhiệm của bên nhận thầu theo Hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho bên nhận thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn được quy định trong Hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Bên nhận thầu để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các Điều Khoản được quy định trong Hợp đồng thì bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm.



g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho Hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Bên giao thầu các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Bên nhận thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Bên nhận thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Bên giao thầu tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ Điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Bên nhận thầu phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của Nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Bên giao thầu phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời Điểm theo yêu cầu của Bên giao thầu cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định, ... với số lượng theo đúng thỏa thuận của Hợp đồng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Bên giao thầu, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

p) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Bên giao thầu

1. Quyền của Bên giao thầu:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm theo Hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm không đạt chất lượng theo Hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Bên nhận thầu nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Bên nhận thầu.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận Hợp đồng

đ) Yêu cầu Bên nhận thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Bên giao thầu:

a) Cung cấp cho Bên nhận thầu thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong Hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo Hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của Bên nhận thầu theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện Hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho Bên nhận thầu theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

đ) Hướng dẫn Bên nhận thầu về những nội dung liên quan đến dự án, tạo Điều kiện để Bên nhận thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.



- e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Bên nhận thầu.
- g) Tạo Điều kiện cho Bên nhận thầu thực hiện công việc theo Hợp đồng.
- h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Bên nhận thầu nếu bên giao thầu cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của Hợp đồng.

Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)

1. Đối với Nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, Bên nhận thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà Nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Bên giao thầu xem xét chấp thuận trước khi ký Hợp đồng thầu phụ.
2. Bên nhận thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Bên giao thầu về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của Nhà thầu phụ.
3. Bên nhận thầu cam kết với Bên giao thầu rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các Khoản chi phí cho Nhà thầu phụ được quy định trong Hợp đồng thầu phụ.

Điều 15. Nhân lực của Bên nhận thầu

1. Nhân lực của Bên nhận thầu và Nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được qui định cụ thể.
2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được Bên giao thầu chấp thuận. Trường hợp thay đổi nhân sự, Bên nhận thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Bên giao thầu, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Bên giao thầu không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên nhận thầu thì nhân sự đó coi như được Bên giao thầu chấp thuận.
3. Bên giao thầu có quyền yêu cầu Bên nhận thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Bên giao thầu hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong Hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên nhận thầu phải gửi văn bản thông báo cho Bên giao thầu trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên giao thầu về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên nhận thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.
4. Bên nhận thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá Hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Bên giao thầu chấp thuận.
5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Bên giao thầu và Bên nhận thầu thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên.
6. Bên nhận thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Bên nhận thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ.

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Bên nhận thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Bên giao thầu được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép Bên nhận thầu.



Bên nhận thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Bên nhận thầu thực hiện và cung cấp cho Bên giao thầu không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Bên giao thầu sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 17. Bảo hiểm

Bên nhận thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo qui định.

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

1. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá Hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá Hợp đồng.

c) Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên giao thầu đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (*bao gồm phí và các chi phí pháp lý*) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Bên giao thầu phải bồi thường những tổn hại cho Bên nhận thầu đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (*bao gồm phí và các chi phí pháp lý*) liên quan do lỗi của mình gây ra.

2. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ Hợp đồng.

3. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm

a) Nếu việc thực hiện các công việc của Hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của Hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Bên giao thầu sẽ phải thanh toán cho Bên nhận thầu các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong Hợp đồng.

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong Hợp đồng

Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

1. Tạm ngừng công việc bởi Bên giao thầu

Nếu Bên nhận thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên giao thầu có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Bên nhận thầu, Bên giao thầu phải nêu rõ phần lỗi của Bên nhận thầu và yêu cầu Bên nhận thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong Khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Bên nhận thầu phải bồi thường thiệt hại cho Bên giao thầu do tạm ngừng công việc.



2. Tạm ngừng công việc bởi Bên nhận thầu

a) Nếu Bên giao thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các Điều Khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Bên giao thầu, Bên nhận thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Bên giao thầu thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Bên nhận thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, Bên nhận thầu phải thông báo cho Bên giao thầu để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên giao thầu xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

Điều 20. Chấm dứt Hợp đồng

1. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên giao thầu

Bên giao thầu có thể chấm dứt Hợp đồng, sau 05 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến Bên nhận thầu. Bên giao thầu sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Bên nhận thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên nhận thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 05 ngày mà Bên giao thầu có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên giao thầu về sai sót đó.

b) Bên nhận thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng] hoặc 15 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

c) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên giao thầu.

d) Bên nhận thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Bên nhận thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 22 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

f) Bên nhận thầu cố ý trình Bên giao thầu các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Bên giao thầu.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên giao thầu có thể thuê các Nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Bên giao thầu và các Nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên nhận thầu

Bên nhận thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên giao thầu tối thiểu là 05 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 15 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Bên giao thầu.

b) Bên giao thầu không thanh toán cho nhà thầu theo Hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 22 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 15 ngày kể từ ngày Bên giao thầu nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Bên giao thầu không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 22 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].



d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên nhận thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 15 ngày.

đ) Bên giao thầu bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được uỷ thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt Hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt Hợp đồng, Bên nhận thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

Điều 21. Thương, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

a) Thương Hợp đồng: Trường hợp Bên nhận thầu hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng sớm hơn so với thời hạn qui định trong Hợp đồng này, mang lại hiệu quả cho Bên giao thầu thì cứ mỗi 15 ngày (cụ thể do các bên thỏa thuận) Bên giao thầu sẽ thưởng cho Bên nhận thầu 02% giá Hợp đồng và mức thưởng tối đa không quá 12% giá trị phần Hợp đồng làm lợi.

b) Phạt vi phạm Hợp đồng:

Đối với Bên nhận thầu: Nếu chậm tiến độ thực hiện Hợp đồng 10 ngày thì phạt 01% giá Hợp đồng cho 01 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị Hợp đồng bị vi phạm.

Đối với Bên giao thầu: Nếu thanh toán chậm cho Bên nhận thầu theo quy định tại Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho Bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà Bên nhận thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho Bên nhận thầu.

Điều 22. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

Khi có khiếu nại, tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng tự thương lượng để giải quyết.

Trường hợp thương lượng mà không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh khiếu nại, tranh chấp Hợp đồng không thể thương lượng, một hoặc các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án nhân dân có thẩm quyền thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để giải quyết theo qui định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc các bên thực hiện.

Điều 23. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Bên giao thầu rằng Bên nhận thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo qui định của Hợp đồng, Bên nhận thầu sẽ trình cho Bên giao thầu tài liệu, hồ sơ quyết toán Hợp đồng. Số lượng căn cứ theo Điều 6. [Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm] và bao gồm:



- a) Các Biên bản giao nhận hồ sơ;
- b) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn;
- c) Quyết định phê duyệt của Bên giao thầu;
- d) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có);
- e) Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Bên giao thầu phải thanh toán cho Bên nhận thầu;
- f) Đề nghị thanh toán của Bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có) có xác nhận của đại diện Bên giao thầu và đại diện Bên nhận thầu;
- g) Hoá đơn VAT theo giá trị Quyết toán cuối cùng được các bên xác nhận sau khi đã trừ giá trị các lần xuất cho Bên giao thầu (nếu có).

Nếu Bên giao thầu không đồng ý hoặc cho rằng Bên nhận thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán Hợp đồng, Bên nhận thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi Bên giao thầu có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Bên nhận thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Bên giao thầu quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

Sau khi hai bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, Bên giao thầu sẽ thanh toán cho Bên nhận thầu. Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán].

2. Thanh lý Hợp đồng:

Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 20 [Chấm dứt Hợp đồng].

Sau khi thanh lý Hợp đồng, Bên nhận thầu có trách nhiệm phối hợp cùng Bên giao thầu, Tư vấn thiết kế, Nhà thầu thi công xử lý các phát sinh, sự cố có liên quan đến địa chất công trình (nếu có) trong suốt quá trình triển khai thi công xây dựng công trình.

Điều 24. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký Hợp đồng.

Các bên cam kết thực hiện đúng những thỏa thuận đã quy định trong Hợp đồng này. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng phải được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của đại diện hợp pháp của các bên.

Hợp đồng này có 16 trang bao gồm 24 điều và 01 chi tiết kèm theo được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt. Bên giao thầu giữ 08 bản. Bên nhận thầu giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN THẦU
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI
CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO THẦU
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Tăng



CHI TIẾT 01
BẢNG GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số 11/HĐ-BQLCDA DIC Miền Bắc ngày 30/06/2022)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Đã bao gồm VAT 8%)	Thành tiền (Đã bao gồm VAT 8%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4*5)
1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn, Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, Cấp đất đá I-III	m khoan	144,000	1.136.622	163.673.568
2	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, Cấp đất đá cấp I-III	lần TN	72,000	506.613	36.476.136
3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	chỉ tiêu	72,000	498.414	35.885.808
4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	chỉ tiêu	62,000	108.011	6.696.682
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	chỉ tiêu	62,000	189.442	11.745.404
6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	chỉ tiêu	72,000	273.061	19.660.392
7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	chỉ tiêu	62,000	57.628	3.572.936
8	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	chỉ tiêu	62,000	596.920	37.009.040
9	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	chỉ tiêu	62,000	58.400	3.620.800
10	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghi tự nhiên của đất rời	chỉ tiêu	10,000	139.726	1.397.260
Tổng cộng giá Hợp đồng					319.738.026

(Bảng chữ: Ba trăm mười chín triệu, bảy trăm ba mươi tám ngàn, không trăm hai mươi sáu đồng)

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN THẦU
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI
CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO THẦU
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hàng Văn Tăng



Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng
Development Investment Construction J.S.C
15 Thi Sách, phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu | Tel: 0254.3859 248 | Fax: 0254 3560 712 | Web: www.dic.vn

NỀN TẢNG VỮNG CHẮC, KHƠI SẮC TƯƠNG LAI

Trang 16/16

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ
VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN

Cán bộ tham gia đề tài nghiên cứu khoa học sản xuất năm 2022-2023
TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên Hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký Hợp đồng	Ngày thanh lý/nghiệm thu	Tổng giá trị HĐ	Tổng số tiền chuyển về	Chủ nhiệm đề tài	Người tham gia
1	Khảo sát địa chất phục vụ công tác thiết kế các nhà mẫu riêng lẻ tại lô đất thuộc phạm vi 3,7 ha, dự án: Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên - giai đoạn I	11/2022/HĐ - BQLCDA DIC Miền Bắc	30/06/2022	07/12/2022	319.738.026	281.203.000	Đỗ Minh Tính	Nguyễn Văn Hùng Phạm Minh Tuấn
2	Gói thầu: Khảo sát địa chất phục vụ công tác thiết kế các mẫu nhà riêng lẻ tuyến N5 (Phân khu III) thuộc Công trình: Nhà ở riêng lẻ (đợt 2) tại Dự án: Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên - Giai đoạn I	14/2022/HĐ- BQLCDA DIC Miền Bắc	18/07/2022	07/12/2022	665.301.572	588.478.000	Đỗ Minh Tính	Nguyễn Văn Hùng Phạm Minh Tuấn



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Lan